****

**CUỘC THI “PTSC TÌM HIỂU PHÁP LUẬT 2020”**

**CHÀO MỪNG NGÀY PHÁP LUẬT VIỆT NAM 9/11**

**THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THAM DỰ**

* Họ và tên: …………………………
* Ngày sinh: ...../…../19.….
* Đơn vị *(ghi tên Ban chức năng/Văn phòng Tên công ty/Chi nhánh/VPĐD):*
* Phòng/Ban/Bộ phận:
* Chức danh công việc:
* Email:

Bằng việc điền thông tin, trả lời câu hỏi trong bài dự thi này và gửi đến Ban Tổ chức, tôi xác nhận đồng ý tham dự cuộc thi. Tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý thực hiện đúng và cam kết tuân thủ Thể lệ cuộc thi do Ban Tổ chức ban hành.

  *…………., ngày… tháng 11 năm 2020*

 *(Ký tên) (\*)*

**CUỘC THI “PTSC TÌM HIỂU PHÁP LUẬT 2020”**

**CHÀO MỪNG NGÀY PHÁP LUẬT**

**THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THAM DỰ**

* Họ và tên: …………………………
* Ngày sinh: ...../…../19.….
* Đơn vị *(ghi tên Ban chức năng / Văn phòng Tên công ty / Chi nhánh / VPDD):*
* Phòng / Ban / Bộ phận:
* Chức danh công việc:
* Email:

Bằng việc điền thông tin, trả lời câu hỏi trong bài dự thi này và gửi đến Ban Tổ chức, tôi xác nhận đồng ý tham dự cuộc thi. Tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý thực hiện đúng và cam kết tuân thủ Thể lệ cuộc thi do Ban Tổ chức ban hành.

  *..……….., ngày… tháng 11 năm 2020*

 *(Ký tên)(\*)*

*(\*) việc ký tên áp dụng đối với hình thức dự thi trên bản giấy*

**BÀI DỰ THI**

**PTSC TÌM HIỂU PHÁP LUẬT**

Người dự thi trả lời các câu hỏi trắc nghiệm theo hướng dẫn sau:

* Đánh dấu “✓” hoặc “x” vào ô trống ([ ]) ngay trước câu trả lời mà anh/chị cho là đúng nhất;
* Chỉ chọn một phương án trả lời cho mỗi câu hỏi

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 1** | **Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 là văn bản luật quy định và điều chỉnh:** |
| [ ] | 1. Việc thành lập, tổ chức quản lý doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Việc tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Việc thành lập và phá sản doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b)
 |
| **Câu 2** | **Cơ quan có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp là:** |
| [ ] | 1. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 |
| [ ] | 1. Thủ tướng Chính phủ
 |
| [ ] | 1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
 |
| [ ] | 1. Chủ tịch Quốc hội
 |
| **Câu 3** | **Kể từ 01/01/2021, Doanh nghiệp Nhà nước bao gồm các doanh nghiệp:** |
| [ ] | 1. Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con
 |
| [ ] | 1. Công ty TNHH một thành viên là công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
 |
| [ ] | 1. Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con
 |
| [ ] | 1. Công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần là công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b), (c) và (d) đều đúng
 |
| **Câu 4** | **Doanh nghiệp Nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức nào?**  |
| [ ] | 1. Công ty TNHH và công ty cổ phần
 |
| [ ] | 1. Công ty TNHH và công ty hợp doanh
 |
| [ ] | 1. Công ty TNHH và nhóm công ty
 |
| [ ] | 1. Cả (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 5** | **Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, “cổ đông” là:**  |
| [ ] | 1. Cá nhân sáng lập và sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần
 |
| [ ] | 1. là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần
 |
| [ ] | 1. Cá nhân, tổ chức góp vốn thành lập công ty
 |
| [ ] | 1. Cá nhân, tổ chức mua cổ phiếu của công ty
 |
| **Câu 6** | **Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, “cổ tức” là:**  |
| [ ] | 1. Khoản lãi mà cổ đông nhận được
 |
| [ ] | 1. Lợi ích mà nhà đầu tư thu được qua việc mua cổ phiếu công ty
 |
| [ ] | 1. Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác
 |
| [ ] | 1. Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác
 |
| **Câu 7** | **Các cá nhân, tổ chức nào có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp dưới đây là “Người có liên quan”?** |
| [ ] | * 1. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con
 |
| [ ] | * 1. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp
 |
| [ ] | * 1. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cổ đông
 |
| [ ] | (d) Cả (a), (b), (c) đều sai |
| **Câu 8** | **Người có quan hệ gia đình với Người quản lý doanh nghiệp bao gồm:**  |
| [ ] | 1. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp;
 |
| [ ] | 1. Người quản lý của các công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con
 |
| [ ] | 1. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột
 |
| [ ] | 1. Anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b) đều đúng
 |
| [ ] | 1. Cả (c) và (d) đều đúng
 |
| **Câu 9** | **Người quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần là:** |
| [ ] | 1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty
 |
| [ ] | 1. Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng
 |
| [ ] | 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty
 |
| **Câu 10** | **Tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty TNHH được gọi là:** |
| [ ] | 1. Tổng giá trị cam kết góp vốn
 |
| [ ] | 1. Vốn điều lệ
 |
| [ ] | 1. Tổng tài sản
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b), (c) đều sai
 |
| **Câu 11** | **Vốn điều lệ của công ty cổ phần là:** |
| [ ] | 1. Tổng giá trị tài sản ghi trong Điều lệ công ty
 |
| [ ] | 1. Tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty
 |
| [ ] | 1. Tổng giá trị vốn công ty bỏ ra để đầu tư kinh doanh
 |
| [ ] | 1. Tài sản góp vốn
 |
| **Câu 12** | **Cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật được gọi là:** |
| [ ] | 1. Chủ sở hữu doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Người quản lý điều hành doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) (c) và (d) đều sai
 |
| **Câu 13** | **Khẳng định “Công ty TNHH có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật” là:** |
| [ ] | 1. Đúng
 |
| [ ] | 1. Sai
 |
| **Câu 14** | **Khi doanh nghiệp chỉ còn lại một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam cần:** |
| [ ] | 1. Ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.
 |
| [ ] | 1. Vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
 |
| [ ] | 1. Không cần ủy quyền mà có thể điều hành công việc từ xa
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b)
 |
| **Câu 15** | **Những đối tượng nào dưới đây không có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty TNHH:** |
| [ ] | 1. Cán bộ, công chức Nhà nước
 |
| [ ] | 1. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng
 |
| [ ] | 1. Người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác
 |
| [ ] | 1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước
 |
| **Câu 16** | **Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam do cấp có thẩm quyền nào ban hành?** |
| [ ] | 1. Đại hội đồng cổ đông
 |
| [ ] | 1. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 |
| [ ] | 1. Hội đồng quản trị
 |
| [ ] | 1. Tổng Giám đốc
 |
| **Câu 17** | **Nội dung nào dưới đây không bắt buộc phải có trong Điều lệ công ty?** |
| [ ] | 1. Cơ cấu tổ chức quản lý
 |
| [ ] | 1. Vốn điều lệ; tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần
 |
| [ ] | 1. Tổng tài sản của công ty
 |
| [ ] | 1. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông
 |
| **Câu 18** | **Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam:** |
| [ ] | 1. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 |
| [ ] | 1. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty
 |
| [ ] | 1. Hội đồng quản trị Tổng công ty
 |
| [ ] | 1. Tổng Giám đốc Tổng công ty
 |
| **Câu 19** | **Khi các doanh nghiệp thay đổi vốn điều lệ công ty, việc doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi là:** |
| [ ] | 1. Bắt buộc
 |
| [ ] | 1. Không bắt buộc mà doanh nghiệp tự công bố thông tin
 |
| [ ] | 1. Khuyến khích đăng ký
 |
| [ ] | 1. Cả (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 20** | **Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty cổ phần và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó sẽ do:** |
| [ ] | 1. HĐQT chấp thuận
 |
| [ ] | 1. Tổng Giám đốc chấp thuận
 |
| [ ] | 1. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều sai
 |
| **Câu 21** | **Tình huống giả định: Theo Báo cáo tài chính Quý II năm 2021, tổng tài sản của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam là 20.000 tỷ đồng (làm tròn số). Giả định vào ngày 20/09/2021, Tổng Giám đốc đại diện Tổng công ty ký một Hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật trị giá 800 tỷ đồng với Chi nhánh A của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn là cổ đông sở hữu 51,37% cổ phần tại PTSC). Cấp nào có thẩm quyền chấp thuận giao dịch nêu trên?** |
| [ ] | 1. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 |
| [ ] | 1. Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty
 |
| [ ] | 1. Hội đồng quản trị Tổng công ty
 |
| [ ] | 1. Tổng Giám đốc Tổng công ty
 |
| **Câu 22** | **Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam:** |
| [ ] | 1. Do Đại hội đồng cổ đông thông qua, phê duyệt
 |
| [ ] | 1. Hội đồng quản trị ra Nghị quyết ban hành
 |
| [ ] | 1. Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định hiện hành
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 23** | **Dãy số được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, được cấp cho doanh nghiệp khi thành lập và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được gọi là:** |
| [ ] | 1. Mã số doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Số đăng ký kinh doanh
 |
| [ ] | 1. Số hiệu doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Ký hiệu doanh nghiệp
 |
| **Câu 24** | **Đáp án nào đúng nhất trong các đáp án dưới đây?** |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp tự quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký mẫu dấu theo quy định của Nhà nước
 |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp phải khắc dấu tại cơ sở khắc dấu do Nhà nước cấp phép
 |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp được quyền tự tiến hành khắc dấu theo nhu cầu
 |
| **Câu 25** | **Công ty TNHH hai thành viên trở lên là:** |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp có nhiều hơn hai thành viên là tổ chức
 |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp có tối thiểu hai cá nhân góp vốn thành lập
 |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp có từ 02 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân
 |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp có nhiều thành viên
 |
| **Câu 26** | **Trong công ty TNHH 2 thành viên trở lên, cơ quan quyết định cao nhất của công ty là:** |
| [ ] | 1. Đại hội đồng cổ đông
 |
| [ ] | 1. Hội đồng thành viên
 |
| [ ] | 1. Ban Giám đốc
 |
| [ ] | 1. Ban kiểm soát
 |
| **Câu 27** | **Đối với công ty TNHH 1 thành viên, việc quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty thuộc thẩm quyền của:** |
| [ ] | 1. Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc công ty
 |
| [ ] | 1. Chủ tịch công ty
 |
| [ ] | 1. Chủ sở hữu công ty
 |
| [ ] | 1. Người quản lý công ty
 |
| **Câu 28** | **Công ty cổ phần là doanh nghiệp trong đó:**  |
| [ ] | 1. Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần
 |
| [ ] | 1. Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa
 |
| [ ] | 1. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, ngoại trừ một số trường hợp luật định
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b), (c), (d) đều đúng
 |
| **Câu 29** | **Chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó được gọi là:** |
| [ ] | 1. Chứng chỉ cổ đông
 |
| [ ] | 1. Giấy chứng nhận sở hữu vốn góp
 |
| [ ] | 1. Chứng từ góp vốn
 |
| [ ] | 1. Cổ phiếu
 |
| [ ] | 1. Trái phiếu
 |
| **Câu 30** | **Công ty cổ phần có quyền phát hành:** |
| [ ] | 1. Cổ phần
 |
| [ ] | 1. Trái phiếu
 |
| [ ] | 1. Các loại chứng khoán khác
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 31** | **Trường hợp cổ phiếu của cổ đông bị mất, bị hư hỏng, công ty cổ phần có thể:** |
| [ ] | 1. Hủy bỏ tư cách cổ đông
 |
| [ ] | 1. Không trả cổ tức
 |
| [ ] | 1. Cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó
 |
| [ ] | 1. Không cấp lại cổ phiếu
 |
| [ ] | 1. Cấp lại cổ phiếu và cam kết chịu trách nhiệm
 |
| **Câu 32** | **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty không có quyền thực hiện các nội dung nào dưới đây:** |
| [ ] | 1. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền
 |
| [ ] | 1. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 |
| [ ] | 1. Xem xét, tra cứu nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát
 |
| [ ] | 1. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết
 |
| [ ] | 1. Xem xét báo cáo tài chính hàng năm và các giao dịch, hợp đồng phải thông qua Hội đồng quản trị
 |
| **Câu 33** | **Cổ đông công ty cổ phần có các nghĩa vụ nào sau đây?** |
| [ ] | 1. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị
 |
| [ ] | 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua
 |
| [ ] | 1. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 34** | **Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần có các quyền nào sau đây?** |
| [ ] | 1. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 |
| [ ] | 1. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
 |
| [ ] | 1. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết
 |
| [ ] | 1. Cả (a) (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 35** | **Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho bao nhiêu % tổng số phiếu biểu quyết?** |
| [ ] | 1. Dưới 50 %
 |
| [ ] | 1. 50 %
 |
| [ ] | 1. Trên 50%
 |
| [ ] | 1. Ít nhất 51%
 |
| [ ] | 1. Từ 51%
 |
| **Câu 36** | **Bố vợ của Tổng giám đốc công ty cổ phần là Doanh nghiệp nhà nước có được làm thành viên HĐQT công ty đó hay không?** |
| [ ] | 1. Có
 |
| [ ] | 1. Không
 |
| **Câu 37** | **Thời hạn công ty cổ phần phải thanh toán đầy đủ cổ tức cho cổ đông:**  |
| [ ] | 1. 6 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính
 |
| [ ] | 1. 6 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên
 |
| [ ] | 1. 6 tháng kể từ chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đồng
 |
| [ ] | 1. 6 tháng kể từ khi Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông nhận cổ tức
 |
| **Câu 38** | **Trường hợp nào thì các Công ty TNHH bắt buộc phải thành lập Ban kiểm soát?** |
| [ ] | 1. Công ty TNHH hai thành viên trở lên có 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân
 |
| [ ] | 1. Công ty TNHH hai thành viên trở lên là công ty con của doanh nghiệp nhà nước
 |
| [ ] | 1. Các công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên đồng thời là Doanh nghiệp nhà nước
 |
| **Câu 39** | **Khi nào nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH 2TV trở lên là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua không được thực hiện đúng quy định?** |
| [ ] | 1. Được thông qua bằng 51% tổng số vốn điều lệ
 |
| [ ] | 1. Được thông qua bằng 75% tổng số vốn điều lệ
 |
| [ ] | 1. Được thông qua bằng 100% tổng số vốn điều lệ
 |
| [ ] | 1. Được thông qua bằng 100% tổng số phiếu của các thành viên tham dự biểu quyết
 |
| **Câu 40** | **Theo quy định mới của Luật Doanh nghiệp, các phương thức đăng ký doanh nghiệp để người thành lập doanh nghiệp lựa chọn là:** |
| [ ] | 1. Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh
 |
| [ ] | 1. Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính
 |
| [ ] | 1. Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 41** | **Doanh nghiệp quản lý và lưu giữ con dấu:** |
| [ ] | 1. Bắt buộc theo các nghị định của Chính phủ về công tác văn thư
 |
| [ ] | 1. Theo quy định của Điều lệ công ty hoặc quy chế do doanh nghiệp ban hành
 |
| [ ] | 1. Theo quy định của cơ quan đăng ký kinh doanh
 |
| **Câu 42** | **Chủ doanh nghiệp tư nhân có thể quyết định chuyển đổi doanh nghiệp thành:** |
| [ ] | 1. Công ty đại chúng
 |
| [ ] | 1. Tập đoàn kinh tế
 |
| [ ] | 1. Công ty cổ phần, công ty TNHH, công ty hợp doanh
 |
| [ ] | 1. Hợp tác xã
 |
| [ ] | 1. Nhóm công ty
 |
| **Câu 43** | **Khi có thay đổi về vốn điều lệ trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp không tiến hành đăng ký thay đổi với Cơ quan đăng ký kinh doanh là:** |
| [ ] | 1. Đúng
 |
| [ ] | 1. Sai
 |
| **Câu 44** | **Trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần, có bắt buộc công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông hay không?** |
| [ ] | 1. Có
 |
| [ ] | 1. Không
 |
| **Câu 45** | **Nhóm công ty thuộc các thành phần kinh tế có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác, có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên, được gọi là:** |
| [ ] | 1. Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã
 |
| [ ] | 1. Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty
 |
| [ ] | 1. Nghiệp đoàn kinh tế
 |
| [ ] | 1. Hiệp hội các công ty
 |
| [ ] | 1. Các cấp doanh nghiệp
 |
| **Câu 46** | **“Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam” là Nhóm công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, và:** |
| [ ] | 1. Là một loại hình doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Có tư cách pháp nhân
 |
| [ ] | 1. Không phải là một doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân
 |
| **Câu 47** | **Nhóm doanh nghiệp Công ty Mẹ - Con bao gồm Tổng công ty Cổ phần dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các công ty con trong Tổng công ty có phải đăng ký thành lập Nhóm công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp không?** |
| [ ] | 1. Có
 |
| [ ] | 1. Không
 |
| **Câu 48** | **Một công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của một công ty khác; hoặc có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty khác đó; hoặc có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty khác đó sẽ được coi là:** |
| [ ] | 1. Chủ sở hữu chi phối
 |
| [ ] | 1. Công ty mẹ
 |
| [ ] | 1. Cổ đông chi phối
 |
| [ ] | 1. Công ty cấp I
 |
| **Câu 49** | **Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải (PTSC M&C) có được mua cổ phiếu mã PVS trên thị trường chứng khoán Việt Nam hay không?**  |
| [ ] | 1. Được phép
 |
| [ ] | 1. Không được phép
 |
| **Câu 50** | **PTSC Thanh Hóa và PTSC Quảng Ngãi là các công ty con của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. PTSC Thanh Hóa và PTSC Quảng Ngãi có được góp vốn, mua cổ phần của nhau hay không?** |
| [ ] | 1. Có
 |
| [ ] | 1. Không
 |
| **Câu 51** | **Người đại diện phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tại Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty PTSC) là:** |
| [ ] | 1. Người quản lý Tổng công ty PTSC do PVN giới thiệu để bổ nhiệm
 |
| [ ] | 1. Các cá nhân được PVN ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của PVN đối với phần vốn của PVN đầu tư tại Tổng công ty PTSC
 |
| [ ] | 1. Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty
 |
| **Câu 52** | **Trường hợp nào sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Bộ luật Lao động 45/2019/QH14?** |
| [ ] | 1. Người lao động theo Hợp đồng lao động với Tổng công ty PTSC
 |
| [ ] | 1. Người học nghề; người tập nghề tại Tổng công ty; Người lao động của Tổng công ty PTSC đang làm việc tại các Dự án ở nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Người nước ngoài làm việc cho các đối tác, Nhà thầu phụ nước ngoài tại Dự án của Tổng công ty PTSC ở nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Người lao động nước ngoài làm việc cho Dự án của Tổng công ty tại Việt Nam
 |
| **Câu 53** | **Từ ngày 01/01/2021, người lao động và người sử dụng lao động có thể giao kết hợp đồng bằng hình thức nào?** |
| [ ] | 1. Văn bản
 |
| [ ] | 1. Lời nói
 |
| [ ] | 1. Thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b), (c) đều đúng
 |
| **Câu 54** | **Tiền lương của người lao động trong thời gian thử việc theo thỏa thuận ít nhất phải bằng:**  |
| [ ] | 1. 65% mức lương của công việc đó
 |
| [ ] | 1. 75% mức lương của công việc đó
 |
| [ ] | 1. 85% mức lương của công việc đó
 |
| [ ] | 1. 95% mức lương của công việc đó
 |
| **Câu 55** | **Theo Bộ luật Lao động 45/2019/QH14, có những loại hợp đồng lao động nào?**  |
| [ ] | 1. Hợp đồng lao động có 3 loại: Hợp đồng không xác định thời hạn; Hợp đồng xác định thời hạn; Hợp đồng theo mùa vụ
 |
| [ ] | 1. Hợp đồng lao động có 2 loại: Hợp đồng không xác định thời hạn; Hợp đồng xác định thời hạn
 |
| [ ] | 1. Hợp đồng lao động có 4 loại: Hợp đồng không xác định thời hạn; Hợp đồng xác định thời hạn; Hợp đồng theo mùa vụ; Hợp đồng dưới 1 tháng
 |
| **Câu 56** | **Phụ lục hợp đồng lao động là:** |
| [ ] | 1. Một văn bản thỏa thuận độc lập với hợp đồng lao động đã giao kết
 |
| [ ] | 1. Một văn bản bổ sung hợp đồng lao động đã giao kết
 |
| [ ] | 1. Một văn bản sửa đổi thời hạn hợp đồng lao động
 |
| [ ] | 1. Bộ phận của hợp đồng lao động và có hiệu lực như hợp đồng lao động.
 |
| **Câu 57** | **Theo Bộ luật Lao động 45/2019/QH14, người sử dụng lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nếu người lao động cung cấp không trung thực thông tin về họ tên, tuổi ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động làm ảnh hưởng đến việc tuyển dụng người lao động.** |
| [ ] | 1. Đúng
 |
| [ ] | 1. Sai
 |
| **Câu 58** | **Tháng 1/2020, Công ty A, sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức Công đoàn cơ sở tại Công ty, đã ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc để áp dụng. Tháng 11/2020, sau nhiều lần phát hiện anh Trần Văn C (chuyên viên, theo HĐLĐ không xác định thời hạn) không hoàn thành các công việc theo tiêu chí tại Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc, Công ty A thông báo sẽ chấm dứt HĐLĐ với anh Trần Văn C. Theo Luật Lao động, Công ty A:** |
| [ ] | 1. Không có quyền chấm dứt HĐLĐ với anh Trần Văn C
 |
| [ ] | 1. Có quyền chấm dứt HĐLĐ sau 3 ngày kể từ ngày thông báo
 |
| [ ] | 1. Có quyền chấm dứt HĐLĐ sau 30 ngày kể từ ngày thông báo
 |
| [ ] | 1. Có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ với anh Trần Văn C sau 45 ngày kể từ ngày thông báo
 |
| **Câu 59** | **Khi giao kết hợp đồng lao động, người sử dụng lao động không được làm gì khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động?** |
| [ ] | 1. Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động
 |
| [ ] | 1. Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động
 |
| [ ] | 1. Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b), (c) đều đúng
 |
| **Câu 60** | **Các trường hợp nào sau đây không được tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động:** |
| [ ] | 1. Người lao động thực hiện nghĩa vụ quân sự
 |
| [ ] | 1. Người lao động được bổ nhiệm làm người quản lý doanh nghiệp nhà nước; được ủy quyền để thực hiện quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với phần vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác
 |
| [ ] | 1. Người lao động đi nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Lao động nữ mang thai có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền về việc tiếp tục làm việc sẽ ảnh hưởng xấu tới thai nhi
 |
| **Câu 61** | **Điểm mới của Bộ luật Lao động 45/2019/QH14 về nghỉ lễ, tết:** |
| [ ] | 1. Tăng thời gian nghỉ Tết Âm lịch
 |
| [ ] | 1. Tăng thời gian nghỉ Lễ Quốc khánh
 |
| [ ] | 1. Tăng thời gian nghỉ ngày Quốc tế lao động
 |
| [ ] | 1. Tăng thời gian nghỉ Tết Dương lịch
 |
| **Câu 62** | **Tiền lương bao gồm khoản nào dưới dây:** |
| [ ] | 1. Gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh
 |
| [ ] | 1. Gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác
 |
| [ ] | 1. Gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương
 |
| **Câu 63** | **Các hình thức xử lý kỷ luật lao động bao gồm:** |
| [ ] | 1. Khiển trách; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; Cách chức; Sa thải
 |
| [ ] | 1. Khiển trách; Cảnh cáo; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; Cách chức; Sa thải
 |
| [ ] | 1. Khiển trách; Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 06 tháng; Cách chức; Buộc thôi việc; Sa thải
 |
| **Câu 64** | **Từ ngày 01/01/2021, người sử dụng lao động phải tổ chức đối thoại tại nơi làm việc định kỳ:** |
| [ ] | * 1. 1 năm một lần
 |
| [ ] | * 1. 3 tháng một lần
 |
| [ ] | * 1. Ít nhất 1 năm một lần
 |
| [ ] | * 1. Ít nhất 3 tháng một lần
 |
| **Câu 65** | **Người sử dụng lao động có các quyền nào sau đây:**  |
| [ ] | 1. Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lý vi phạm kỷ luật lao động
 |
| [ ] | 1. Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật
 |
| [ ] | 1. Chấm dứt Hợp đồng lao động nếu người lao động đòi tăng lương, giảm giờ làm
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b) đều đúng
 |
| [ ] | 1. Cả (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 66** | **Người lao động không có nghĩa vụ nào dưới đây:** |
| [ ] | 1. Thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể và thỏa thuận hợp pháp khác
 |
| [ ] | 1. Trả các chi phí tuyển dụng lao động cho người sử dụng lao động
 |
| [ ] | 1. Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động
 |
| [ ] | 1. Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động
 |
| **Câu 67** | **Khi giao kết hợp đồng lao động, người lao động không bắt buộc phải cung cấp các thông tin nào dưới đây cho người sử dụng lao động:**  |
| [ ] | 1. Họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề
 |
| [ ] | 1. Xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu
 |
| [ ] | 1. Kê khai tài sản, thu nhập hiện có
 |
| [ ] | 1. Giấy chứng nhận kết hôn hoặc độc thân
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b) đều đúng
 |
| [ ] | 1. Cả (c) và (d) đều đúng
 |
| **Câu 68** | **Trong doanh nghiệp, ai là Người có thẩm quyền ký kết Hợp đồng lao động với người lao động?** |
| [ ] | 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Chủ tịch Hội đồng thành viên
 |
| [ ] | 1. Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật
 |
| [ ] | 1. Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự
 |
| [ ] | 1. Các Trưởng Ban chức năng, Trưởng phòng chuyên môn, Giám đốc Chi nhánh
 |
| **Câu 69** | **Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi được sự đồng ý của người lao động và:** |
| [ ] | 1. Số giờ làm thêm của người lao động không quá 20 giờ trong 01 tháng
 |
| [ ] | 1. Số giờ làm thêm của người lao động không quá 30 giờ trong 01 tháng
 |
| [ ] | 1. Số giờ làm thêm của người lao động không quá 40 giờ trong 01 tháng
 |
| **Câu 70** | **Khi gặp khó khăn đột xuất do dịch bệnh, thiên tai hoặc do nhu cầu sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có quyền nào sau đây?**  |
| [ ] | 1. Tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác không quá 60 ngày làm việc cộng dồn trong 01 năm
 |
| [ ] | 1. Tạm thời chuyển người lao động làm công việc khác không quá 01 năm
 |
| [ ] | 1. Chuyển người lao động sang làm công việc khác theo thỏa thuận bằng văn bản
 |
| [ ] | 1. Tạm thời chuyển người lao động sang làm công việc khác cho đến khi khắc phục xong các khó khăn
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (c) đều đúng
 |
| [ ] | 1. Cả (b) và (d) đều đúng
 |
| **Câu 71** | **Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp chỉ được ký kết khi có:** |
| [ ] | 1. Trên 50% người lao động của doanh nghiệp biểu quyết tán thành
 |
| [ ] | 1. Trên 75% người lao động của doanh nghiệp biểu quyết tán thành
 |
| [ ] | 1. 100% người lao động của doanh nghiệp biểu quyết tán thành
 |
| **Câu 72** | **Cơ quan nào có quyền tuyên bố Thỏa ước lao động tập thể vô hiệu?** |
| [ ] | 1. Ban Giám đốc doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Tổ chức đại diện người lao động
 |
| [ ] | 1. Tòa án nhân dân
 |
| [ ] | 1. Sở Lao động – Thương binh xã hội
 |
| **Câu 73** | **Trong mọi trường hợp, thời hiệu xử ký kỷ luật lao động là:** |
| [ ] | 1. 06 tháng kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm
 |
| [ ] | 1. 12 tháng kể từ ngày xảy ra hành vi vi phạm
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b) đều sai
 |
| **Câu 74** | **Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp là:** |
| [ ] | 1. Không bắt buộc
 |
| [ ] | 1. Bắt buộc, ngoại trừ các trường hợp cụ thể theo Luật định
 |
| [ ] | 1. Bắt buộc trong mọi trường hợp
 |
| **Câu 75** | **Tổng công ty PTSC hiện đang thực hiện hoạt động cung ứng nhân lực và cho thuê lại lao động. Hãy chọn đáp án đúng với quy định của Bộ Luật Lao động trong các trường hợp sau:**  |
| [ ] | 1. PTSC phải có Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
 |
| [ ] | 1. Người lao động PTSC phải có giấy phép làm việc tại cơ sở của bên thuê lại lao động
 |
| [ ] | 1. Người lao động PTSC phải ký hợp đồng lao động với bên thuê lại lao động
 |
| **Câu 76** | **Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân:** |
| [ ] | 1. Hòa giải viên lao động; Hội đồng trọng tài lao động
 |
| [ ] | 1. Công đoàn cấp trên cơ sở; Ban Lãnh đạo doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Tòa án nhân dân
 |
| **Câu 77** | **Ngày 12/11/2010, Công ty B ký giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 18 tháng với một Kỹ sư hàn Nguyễn Văn A, bao gồm thử việc 3 tháng. Từ ngày 01/07/2020 đến 01/09/2020, do gặp khó khăn vì lý do bất khả kháng và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, Công ty đã chậm trả lương đến 25 ngày. Anh A muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hỏi anh A cần phải báo cho công ty B trước bao nhiêu ngày?** |
| [ ] | 1. Không cần báo trước
 |
| [ ] | 1. Ít nhất 3 ngày
 |
| [ ] | 1. Ít nhất 30 ngày
 |
| [ ] | 1. Ít nhất 45 ngày
 |
| **Câu 78** | **Theo quy định của pháp luật, người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao có thể nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nhưng không quá bao nhiêu tuổi so với điều kiện nghỉ hưu bình thường** |
| [ ] | 1. 02 tuổi
 |
| [ ] | 1. 03 tuổi
 |
| [ ] | 1. 05 tuổi
 |
| [ ] | 1. 10 tuổi
 |
| **Câu 79** | **Theo Bộ luật Lao động 45/2019/QH14, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở sẽ gồm những tổ chức nào?** |
| [ ] | 1. Ban chấp hành công đoàn cơ sở hoặc Ban chấp hành công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở.
 |
| [ ] | 1. Công đoàn cơ sở
 |
| [ ] | 1. Tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp
 |
| [ ] | 1. Cả (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 80** | **Trường hợp nào dưới đây được coi là thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định của Bộ luật Lao động?** |
| [ ] | 1. Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động
 |
| [ ] | 1. Thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh gắn với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động
 |
| [ ] | 1. Thay đổi sản phẩm hoặc cơ cấu sản phẩm.
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 81** | **Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội ban hành vào ngày nào?** |
| [ ] | 1. 17/6/2020
 |
| [ ] | 1. 17/9/2020
 |
| [ ] | 1. 01/01/2021
 |
| **Câu 82** | **Luật Đầu tư quy định về:** |
| [ ] | 1. Hoạt động đầu tư kinh doanh chung
 |
| [ ] | 1. Hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam
 |
| [ ] | 1. Hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam
 |
| **Câu 83** | **Theo Luật Đầu tư, Dự án đầu tư là:** |
| [ ] | 1. Là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định
 |
| [ ] | 1. Là dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động bằng cách mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm hoặc cải thiện môi trường
 |
| [ ] | 1. Là dự án đầu tư thực hiện lần đầu hoặc dự án đầu tư độc lập với dự án đầu tư đang hoạt động
 |
| [ ] | 1. Là dự án đầu tư thực hiện lần đầu hoặc dự án đầu tư độc lập với dự án đầu tư đang hoạt động, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh
 |
| **Câu 84** | **“Nhà đầu tư” là các tổ chức cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh nào dưới đây:** |
| [ ] | 1. Nhà đầu tư trong nước
 |
| [ ] | 1. Nhà đầu tư nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 85** | **“Tổ chức kinh tế” theo quy định của Luật đầu tư là:**  |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh
 |
| [ ] | 1. Doanh nghiệp Việt Nam, thương nhân nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Các tổ chức bất kỳ thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam
 |
| **Câu 86** | **Theo Luật Đầu tư, việc nhà đầu tư chuyển vốn đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài, sử dụng lợi nhuận thu được từ nguồn vốn đầu tư này để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh ở nước ngoài là:** |
| [ ] | 1. Hoạt động phát triển kinh doanh ra nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Hoạt động xúc tiến đầu tư ra nước ngoài
 |
| **Câu 87** | **Tổng công ty PTSC ký một hợp đồng đóng mới giàn khoan trị giá 2 tỷ USD cho một khách hàng tại Brunei. Giàn khoan được PTSC thi công, hoàn thành và bàn giao cho khách hàng tại Brunei. Đây có phải là hoạt động đầu tư ra nước ngoài hay không?** |
| [ ] | 1. Có
 |
| [ ] | 1. Không
 |
| **Câu 88** | **Theo Luật Đầu tư 2020, ngành, nghề nào trong nhóm sau đây là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện?** |
| [ ] | 1. Kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển
 |
| [ ] | 1. Nhượng quyền thương mại
 |
| [ ] | 1. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển
 |
| [ ] | 1. Kinh doanh dịch vụ Logistic
 |
| **Câu 89** | **Ngành nghề nào dưới đây không bị cấm đầu tư kinh doanh:** |
| [ ] | 1. Hoạt động kinh doanh liên quan đến sinh sản vô tính trên người
 |
| [ ] | 1. Kinh doanh các chất ma túy, kinh doanh mại dâm
 |
| [ ] | 1. Kinh doanh cầm đồ, cho vay nợ
 |
| [ ] | 1. Kinh doanh pháo nổ
 |
| [ ] | 1. Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
 |
| **Câu 90** | **Chấp thuận chủ trương đầu tư là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền:** |
| [ ] | 1. Chấp thuận về tổng mức đầu tư và cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
 |
| [ ] | 1. Chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án; nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư và các cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư
 |
| [ ] | 1. Chấp thuận danh mục dự kiến các dự án đầu tư trên phạm vi toàn quốc
 |
| [ ] | 1. Chấp thuận các đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định
 |
| **Câu 91** | **Hình thức đầu tư nào dưới đây không cần thành lập tổ chức kinh tế:**  |
| [ ] | 1. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp
 |
| [ ] | 1. Thực hiện dự án đầu tư
 |
| [ ] | 1. Đầu tư xây dựng cơ bản
 |
| [ ] | 1. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC
 |
| **Câu 92** | **Trong các dự án sau đây, dự án nào thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật đầu tư 2020:**  |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I
 |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư chế biến dầu khí
 |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư nâng cấp bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b) đều đúng
 |
| **Câu 93** | **Một Tổng công ty trong Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang chuẩn bị thực hiện 02 Dự án đầu tư tại Việt Nam như dưới đây. Tương ứng với Luật Đầu tư, Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ là:** |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư xây dựng bến cảng loại I, quy mô vốn đầu tư dự kiến 5.000 tỷ đồng
 |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư chế biến khí quy mô 1000 tỷ đồng
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b) đều đúng
 |
| [ ] | 1. Không dự án nào thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ
 |
| **Câu 94** | **Lựa chọn các hình thức đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư:** |
| [ ] | 1. Đầu tư mua sắm
 |
| [ ] | 1. Đầu tư xây dựng cơ bản
 |
| [ ] | 1. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế
 |
| [ ] | 1. Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp
 |
| [ ] | 1. Thực hiện dự án đầu tư
 |
| [ ] | 1. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC
 |
| [ ] | 1. Cả (c), (d), (e), (f) đều đúng
 |
| **Câu 95** | **Theo Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, nhà đầu tư được góp vốn vào tổ chức kinh tế theo các hình thức nào sau đây:** |
| [ ] | 1. Mua cổ phần phát hành lần đầu của công ty cổ phần
 |
| [ ] | 1. Mua cổ phần phát hành thêm của công ty cổ phần
 |
| [ ] | 1. Góp vốn vào công ty TNHH, công ty hợp danh
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b) và (c) đều đúng
 |
| **Câu 96** | **Trong mọi trường hợp, Nhà đầu tư bắt buộc phải chuyển toàn bộ lợi nhuận thu được và các khoản thu nhập khác từ đầu tư ở nước ngoài về Việt Nam:** |
| [ ] | 1. Đúng
 |
| [ ] | 1. Sai
 |
| **Câu 97** | **Nhà đầu tư bắt buộc phải mở tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài tại một tổ chức tín dụng được phép tại Việt Nam:** |
| [ ] | 1. Đúng
 |
| [ ] | 1. Sai
 |
| **Câu 98** | **Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm:** |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư của doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ
 |
| [ ] | 1. Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước
 |
| [ ] | 1. Cả (a) và (b) đều đúng
 |
| **Câu 99** | **Nhà đầu tư có thể thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo các hình thức nào sau đây:** |
| [ ] | 1. Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư
 |
| [ ] | 1. Đầu tư theo hình thức hợp đồng ở nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó
 |
| [ ] | 1. Mua, bán chứng khoán, giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài
 |
| [ ] | 1. Cả (a), (b), (c), (d) đều đúng
 |
| **Câu 100** | **Theo anh chị, cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật” của Tổng công ty PTSC có bao nhiêu người tham gia dự thi?** |
|  | Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật” của Tổng công ty PTSC có …… người tham gia dự thi |

**Kết thúc bài thi.**

Cảm ơn anh, chị đã hoàn thành bài dự thi này.

Chúc anh, chị thành công.

BAN TỔ CHỨC